



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

MILINDAPAÑHAPĀḶI

&

MILINDA VẤN ĐẠO

3. VATTHAGUYHA- NIDASSANAPAÑHO

1. “**Bhante nāgasena bhāsitampetaṃ tathāgatena:**
‘**Kāyena saṃvaro sādhu sādhu vācāya saṃvaro,**
manasā saṃvaro sādhu sādhu sabbattha saṃvaro”ti.

Puna ca tathāgato catunnaṃ parisānaṃ majjhe nisīditvā purato devamanussānaṃ selabrāhmaṇassa kosohitavattaguyhaṃ¹ dassesi. Yadi bhante nāgasena bhagavatā bhaṇitaṃ: ‘**Kāyena saṃvaro sādhu**’ti, tena hi ‘selabrāhmaṇassa kosohitavattaguyhaṃ dassesī’ti yaṃ vacanaṃ, taṃ micchā. Yadi selabrāhmaṇassa kosohitavattaguyhaṃ dassesi, tena hi ‘kāyena saṃvaro sādhu’ti tampi vacanaṃ micchā. Ayampi ubhatokoṭiko pañho tavānuppatto. So tayā nibbāhitabbo”ti.

2. “Bhāsitampetaṃ mahārāja bhagavatā: ‘**Kāyena saṃvaro sādhu**’ti, selassa ca brāhmaṇassa kosohitavattaguyhaṃ dassitaṃ. Yassa kho mahārāja tathāgate kaṅkhā uppānā, tassa bodhanatthāya bhagavā iddhiyā tappaṭibhāgaṃ kāyaṃ dassesi. So yeva taṃ paṭihāriyaṃ passatī”ti.

“Ko panetaṃ bhante nāgasena saddahissati, yaṃ parisāṃ gato² eko yeva taṃ vatthaguyhaṃ³ passati, avasesā tattheva vasantā na passissantī’ti?⁴ Ingha me taṃ tattha kāraṇaṃ upadisa kāraṇena maṃ saññāpehī”ti.

“Diṭṭhapubbo pana tayā mahārāja koci vyadhito puriso parikiṇṇo ñātimittehi”ti?

“Āma bhante”ti.

“Api nu kho mahārāja parisā passati etaṃ vedanaṃ yāya vedanāya so puriso vediyatī”ti?⁵

“Na hi bhante. Attanā yeva so⁶ puriso vediyatī”ti.

“Evameva kho mahārāja yasseva tathāgate kaṅkhā uppānā, tasseva tathāgato bodhanāya⁷ iddhiyā tappaṭibhāgaṃ kāyaṃ dassesi so yeva taṃ tappaṭihāriyaṃ⁸ passati. Yathā vā pana mahārāja kaṅcīdeva purisāṃ bhūto āviseyya, api nu kho sā mahārāja parisā passati taṃ bhūtaṃ āgacchantan”ti?⁹

“Na hi bhante. So yeva āturo tassa bhūtassa āgamaṇaṃ passantī”ti.

¹ kosohitaṃ vatthaguyhaṃ - Ma, PTS.

² parisagato - Ma, PTS.

³ guyhaṃ - Ma, PTS.

⁴ vasantā na passantī ti - Ma; santā na passantī - PTS.

⁵ yāya so puriso vedanāya vediyatī ti - Ma; yāya so puriso vedanāya vediyatī ti - PTS.

⁶ attanā yeva so bhante - Ma, PTS.

⁷ bodhanatthāya - Ma.

⁸ taṃ paṭihāriyaṃ - Ma, PTS.

⁹ taṃ bhūtā gamananti - Ma; taṃ bhūtagāhan ti - PTS.

3. CÂU HỎI VỀ VIỆC BIỂU LỘ VẬT ĐƯỢC CHE GIẤU SAU LỚP VẢI:

1. “Thưa ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Như Lai nói đến: **‘Lành thay sự phòng hộ thân! Lành thay sự phòng hộ lời nói! Lành thay sự phòng hộ ý! Lành thay sự phòng hộ tất cả.’**”

Và thêm nữa, đức Như Lai sau khi ngồi xuống ở giữa tứ chúng đã phô bày tướng mã âm tàng¹ cho Bà-la-môn Sela nhìn thấy ở phía trước chư Thiên và nhân loại. Thưa ngài Nāgasena, nếu điều đã được đức Thế Tôn nói là: **‘Lành thay sự phòng hộ thân!’** như thế thì lời nói rằng: ‘Ngài đã phô bày tướng mã âm tàng cho Bà-la-môn Sela nhìn thấy’ là sai trái. Nếu Ngài đã phô bày tướng mã âm tàng cho Bà-la-môn Sela nhìn thấy, như thế thì lời nói rằng: ‘Lành thay sự phòng hộ thân!’ cũng là sai trái. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho ngài. Nó nên được giải quyết bởi ngài.”

2. “Tâu đại vương, điều này cũng đã được đức Như Lai nói đến: **‘Lành thay sự phòng hộ thân!’** và tướng mã âm tàng đã được phô bày cho Bà-la-môn Sela nhìn thấy. Tâu đại vương, đối với người nào có sự hoài nghi sanh khởi về đức Như Lai, vì mục đích giúp cho người ấy giác ngộ mà đức Thế Tôn đã phô bày phần thân thể ấy bằng thần thông. Chỉ có người ấy nhìn thấy thần thông ấy.”

“Thưa ngài Nāgasena, và lại ai sẽ tin rằng chỉ có một người ở hội chúng nhìn thấy vật được che giấu sau lớp vải ấy, và số còn lại đang ở ngay tại chỗ ấy lại không nhìn thấy? Trong trường hợp này, xin ngài hãy xác định cho trẫm lý do ấy, xin hãy làm cho trẫm hiểu được lý do.”

“Tâu đại vương, có phải ngài đã được nhìn thấy trước đây một người đàn ông nào đó bị bệnh, được vây quanh bởi bà con và bạn bè?”

“Thưa ngài, đúng vậy.”

“Tâu đại vương, phải chăng nhóm người nhìn thấy cái cảm thọ ấy, là cái cảm thọ mà người đàn ông ấy cảm nhận?”

“Thưa ngài, không được. Chỉ có người đàn ông ấy cảm nhận bởi chính bản thân.”

“Tâu đại vương, tương tự y như thế chỉ đối với người nào có sự hoài nghi sanh khởi về đức Như Lai, vì mục đích giúp cho chính người ấy giác ngộ mà đức Thế Tôn đã phô bày phần thân thể ấy bằng thần thông, chỉ có người ấy nhìn thấy thần thông ấy. Tâu đại vương, hoặc là giống như việc vong linh có thể nhập vào một người nam nào đó, tâu đại vương, phải chăng nhóm người ấy nhìn thấy vong linh ấy đang tiến đến gần?”

“Thưa ngài, không được. Chỉ có người bệnh ấy nhìn thấy sự tiến đến gần của vong linh ấy.”

¹ Vật được bao bọc lại bằng lớp màng (*kosohitam*) và được che giấu sau lớp vải (*vatthaguyham*) - ND.

“Evameva kho mahārāja yasseva tathāgate kaṅkhā uppannā, ¹ so yeva taṃ pāṭihāriyaṃ passatī”ti.

“Dukkaraṃ bhante nāgasena bhagavatā katamā yaṃ ekassapi adassanīyaṃ taṃ dassentenā”ti.

“Na mahārāja bhagavā gūyaṃ dasseti, iddhiyā pana chāyaṃ dassesī”ti.

“Chāyāyapi bhante diṭṭhāya diṭṭham yeva hoti gūyaṃ, yaṃ disvā niṭṭhaṅgato”ti.

“Dukkarañcāpi mahārāja tathāgato karoti bodhaneyye satte bodhetuṃ. Yadi mahārāja tathāgato kiriyaṃ² hāpeyya, bodhaneyyā sattā na bujjheyyaṃ. Yasmā ca kho mahārāja yogaññū tathāgato bodhaneyye³ bodhetuṃ, tasmā tathāgato yena yena yogena bodhaneyyā bujjhanti, tena tena yogena bodhaneyye bodheti.

3. Yathā mahārāja bhisakko sallakatto, yena yena bhesajjena āturo arogo hoti, tena tena bhesajjena āturaṃ upasaṅkamati, vamaṇīyaṃ vameṭi, virecaṇīyaṃ vireceti, anulepaṇīyaṃ anulimpati,⁴ anuvāsaṇīyaṃ anuvāseti, evameva kho mahārāja tathāgato yena yena yogena bodhaneyyā sattā bujjhanti, tena tena yogena bodheti. Yathā vā pana mahārāja itthī mūlha-gabbhā bhisakkassa adassanīyaṃ gūyaṃ dasseti, evameva kho mahārāja tathāgato bodhaneyye⁵ bodhetuṃ adassanīyaṃ gūyaṃ iddhiyā chāyaṃ dassesī. Natthi mahārāja adassanīyo nāma okāso puggalaṃ upādāya. Yadi mahārāja koci bhagavato hadayaṃ disvā bujjheyya, tassapi bhagavā yogena hadayaṃ dasseyya. Yogaññū mahārāja tathāgato desanākusalo. Nanu mahārāja tathāgato therassa nandassa adhimuttiṃ jānitvā taṃ deva-bhavaṇaṃ netvā devakaññāyo dassesī ‘imināyaṃ kulaputto bujjhissatī’ti, tena ca so kulaputto bujjhi. Iti kho mahārāja tathāgato anekapariyāyena subhanimittaṃ piḷento⁶ garahanto jigucchanto tassa bodhanahetu kakuṭapādinīyo accharāyo dassesī. Evampi tathāgato yogaññū desanākusalo.

¹ tasseva tathāgato bodhanatthāya iddhiyā tappaṭibhāgaṃ kāyaṃ dasseti - itipāṭho Machasaṃ adhikaṃ.

² kiriyaṃ kiriyaṃ - PTS.

³ bodhaneyye satte - Ma.

⁴ anulimpeti - Ma, PTS.

⁵ bodhaneyye satte - Ma.

⁶ hiḷento - Ma, PTS.

“Tâu đại vương, tương tự y như thế chỉ đối với người nào có sự hoài nghi sanh khởi về đức Như Lai, chỉ có người ấy nhìn thấy thần thông ấy.”

“Thưa ngài Nāgasena, việc khó làm đã được thực hiện bởi đức Thế Tôn trong lúc Ngài phô bày vật không thể nhìn thấy ấy cho một người thôi.”

“Tâu đại vương, đức Thế Tôn không phô bày vật được che giấu, trái lại đã cho nhìn thấy cái hình bóng bằng thần thông.”

“Thưa ngài, đâu chỉ là cái hình bóng được nhìn thấy nhưng đúng là vật che giấu đã được nhìn thấy, sau khi nhìn thấy vật ấy thì đã đạt được mục đích.”

“Tâu đại vương, đức Như Lai làm việc khó làm để giác ngộ những chúng sanh có khả năng giác ngộ. Tâu đại vương, nếu đức Như Lai buông lời công việc thì những chúng sanh có khả năng giác ngộ không thể giác ngộ. Tâu đại vương, và bởi vì đức Như Lai biết được phương thức để giác ngộ những chúng sanh có khả năng giác ngộ, vì thế bằng phương thức nào khiến cho những chúng sanh có khả năng giác ngộ được giác ngộ thì đức Như Lai giác ngộ những chúng sanh có khả năng giác ngộ theo phương thức ấy.

3. Tâu đại vương, giống như người thầy thuốc phẫu thuật, bằng phương thuốc nào khiến người bệnh được lành bệnh thì đi đến người bệnh với phương thuốc ấy, làm cho nôn mửa người cần phải nôn mửa, làm xổ người cần phải xổ, bôi dầu người cần phải bôi dầu, tắm hương người cần phải tắm hương, tâu đại vương tương tự y như thế đức Như Lai bằng phương thức nào khiến cho những chúng sanh có khả năng giác ngộ được giác ngộ thì giác ngộ những chúng sanh có khả năng giác ngộ theo phương thức ấy. Tâu đại vương, hoặc là giống như người nữ có bào thai ngược phô bày vật che giấu không đáng được nhìn thấy cho người thầy thuốc, tâu đại vương, tương tự y như thế để giác ngộ những người có khả năng giác ngộ đức Như Lai đã phô bày bằng thần thông cái hình bóng của vật che giấu không đáng được nhìn thấy. Tâu đại vương, vật gọi là không đáng được nhìn thấy thì cơ hội liên quan đến cá nhân là không có. Tâu đại vương, nếu người nào đó sau khi nhìn thấy trái tim của đức Thế Tôn mà được giác ngộ thì đức Thế Tôn theo phương thức cũng cho người ấy nhìn thấy trái tim. Tâu đại vương, đức Như Lai là người biết được phương thức, và thiện xảo về việc thuyết giảng. Tâu đại vương, chẳng phải sau khi biết được khuynh hướng của trưởng Lão Nanda, đức Như Lai đã đưa vị ấy đến Thiên cung và cho nhìn thấy các cô con gái ở cõi trời (nghĩ rằng): ‘Người con trai gia đình danh giá này sẽ được giác ngộ nhờ vào việc này,’ và nhờ đó người con trai gia đình danh giá ấy đã được giác ngộ. Tâu đại vương, như thế trong khi khi dễ, trong khi quở trách, trong khi nhèm góm hình tướng mỹ miều bằng nhiều phương thức, đức Như Lai đã cho vị ấy nhìn thấy những cô tiên nữ có các bàn chân bồ câu vì nguyên nhân giúp cho vị ấy giác ngộ. Đức Như Lai là người biết được phương thức, và thiện xảo về việc thuyết giảng như thế ấy.

4. Punacaparaṃ mahārāja tathāgato therassa cullapanthakassa bhātarā nikkadḍhitassa dummanassa upagantvā sukhumaṃ coḷakhaṇḍaṃ adāsi ‘imināyaṃ kulaputto bujjhissatī ’ti. So pana¹ tena kāraṇena² jinasāsane vasībhāvaṃ pāpuṇi. Evampi mahārāja tathāgato yogaññū desanākusalo.

Punacaparaṃ mahārāja tathāgato brāhmaṇassa mogharājassa yāvatatiyaṃ pañhaṃ puṭṭho na vyākāsi, ‘evamassa³ kulaputtassa māno upasamissati, mādūpasamā abhisamayo bhavissatī ’ti. Tena ca tassa kulaputtassa māno upasami, mādūpasamā so brāhmaṇo chasu abhiññāsu vasībhāvaṃ pāpuṇi. Evampi tathāgato yogaññū desanākusalo ”ti.

“Sādhu bhante nāgasena sunibbeṭhito pañho bahavidhehi kāraṇehi, gahaṇaṃ agahaṇaṃ kataṃ, andhakāro āloko kato, gaṇṭhi bhinnā, bhaggā parappavādā, jīnaputtānaṃ cakkhu tayā uppāditaṃ, nippaṭibhānā titthiyā tvaṃ gaṇivarapavaramāsajjā ”ti.

Vatthaguyhanidassanapañho tatiyo.

¹ so ca kulaputto - Ma, PTS.

² so ca kulaputto tena kāraṇena - Ma, PTS.

³ evamimassa - Ma, PTS.

4. Tâu đại vương, còn có việc khác nữa, vào lúc trưởng lão Cullapanthaka bị người anh đuổi ra (khỏi tu viện), nên có tâm trí buồn bã, đức Như lai đã đi đến và trao cho miếng vải mềm (nghĩ rằng): ‘Người con trai gia đình danh giá này sẽ được giác ngộ nhờ vào việc này.’ Bởi lý do ấy, vị ấy đã đạt được bản thể năng lực về Giáo Pháp của đấng Chiến Thắng. Đức Như Lai là người biết được phương thức, và thiện xảo về việc thuyết giảng như thế ấy.

Tâu đại vương, còn có việc khác nữa, đức Như Lai đã không trả lời câu hỏi được vị Bà-la-môn Mogharāja hỏi đến lần thứ ba (nghĩ rằng): ‘Như vậy thì sự ngã mạn của người con trai gia đình danh giá này sẽ được lắng xuống, do sự lắng xuống của ngã mạn sẽ có sự chứng ngộ.’ Và nhờ thế, ngã mạn của người con trai gia đình danh giá ấy đã được lắng xuống, do sự lắng xuống của ngã mạn mà vị Bà-la-môn ấy đã đạt được bản thể năng lực về sáu Thắng trí. Đức Như Lai là người biết được phương thức, và thiện xảo về việc thuyết giảng như thế ấy.”

“Thưa ngài Nāgasena, tốt lắm! Câu hỏi đã khéo được tháo gỡ bằng nhiều cách thức với nhiều lý lẽ, bụi rậm đã được làm không còn bụi rậm, bóng tối đã được làm thành ánh sáng, nút thắt đã được mở ra, lời tuyên thuyết của ngoại đạo đã bị đổ vỡ, (Pháp) nhãn đã được sanh khởi cho những người con trai của đấng Chiến Thắng, các ngoại đạo không còn chói sáng, ngài đã tiến đến vị thế cao quý nhất trong số các vị có đồ chúng.”

**Câu hỏi về việc biểu lộ
vật được che giấu sau lớp vải là thứ ba.**
